

Bản án: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24/6/2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - Xin ly hôn, về nuôi
con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Mai Văn Thuận

- Thư ký phiên Tòa : Bà Huỳnh Thị Phương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa :
Không tham gia phiên tòa

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 38/2020/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2020 vụ tranh chấp Hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 33/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa :

1.*Nguyên đơn:* Chị Hình Ngọc N, sinh năm: 1997; Địa chỉ: ấp Thạnh A, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2.*Bị đơn :* Anh Bùi Mộng K, sinh năm: 1993; Địa chỉ: ấp Thạnh A, xã Thạnh H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2019 và trong quá trình xét xử , nguyên đơn chị Hình Ngọc N trình bày: Chị và anh K trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K không quan tâm chăm sóc vợ con, mọi việc con cái đều giao cho chị, anh K còn có quan hệ không rõ ràng với phụ nữ khác. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị đã cho anh K nhiều cơ hội sửa chữa, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Giữa chị và anh K không còn chung sống với nhau kể từ ngày 18/5/2018 cho đến nay. Nay chị thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nữa nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có một đứa con chung tên Bùi Thanh T, sinh ngày 17/5/2017, hiện con đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 10/4/2020 anh Bùi Mộng K trình bày: Về hôn nhân con chung, tài sản chung, nợ chung theo trình bày của chị N là đúng. Anh thừa nhận vợ chồng đôi lúc có cãi nhau, hiện anh đã sửa đổi. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, về con chung xin được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Hình Ngọc N yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, về nuôi con chung” giữa chị và anh K. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về sự có mặt của đương sự: Anh K đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của anh K không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Bùi Mộng K.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị N và anh K trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào ngày 15/2/2015, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị N cũng tạo nhiều cơ hội và kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vẫn tạo điều kiện cho anh, chị có cơ hội được hàn gắn nhưng cho đến nay vẫn không có kết quả, mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng sống ly thân từ ngày 18/5/2018 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, bền vững lâu dài, vợ chồng cùng quan tâm chăm sóc lẫn nhau và nuôi dạy con cái, kể từ khi chị N và anh K sống ly thân cho đến nay anh K cũng không thể hiện sự quan tâm chăm sóc đối với vợ con, bỏ mặc mạnh ai người đó sống nhưng theo anh K thì anh không đồng ý ly hôn, vợ chồng cũng không trở về đoàn tụ với nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị N cương quyết xin ly hôn nên Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị N và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho chị Hình Ngọc N được ly hôn với anh Bùi Mộng K.

{2.2} Về con chung : Chị N và anh K xác định có 01 con chung tên Bùi Thanh T, sinh ngày 17/5/2017, hiện con đang sống với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai anh K không đồng ý giao con cho chị N nuôi, anh cũng yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét yêu cầu của anh K và chị N xin được nuôi con là chính đáng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình: *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi....* cháu T còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, kể từ thời điểm anh chị sống ly thân cho đến nay thì cháu T sống với chị N, chị vẫn chăm sóc tốt cho cháu cả về thể chất và tinh thần. Do đó, xét nguyện vọng của chị N xin được nuôi con là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận nên xử giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi (trừ trường hợp thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật).

Anh K có quyền đến thăm nom , chăm sóc , giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

{2.3} Về cấp dưỡng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của luật hôn nhân và gia đình quy định cha mẹ không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị N không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{2.4} Về tài sản chung; nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Hình Ngọc N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 8143 ngày 31/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng . Chị N đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 02 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ; khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân : Xử chấp nhận cho chị Hình Ngọc N được ly hôn với anh Bùi Mộng K.

2. Về con chung: Xử giao cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 17/5/2017 cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (Trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật) chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền đến thăm nom , chăm sóc , giáo dục con chung , không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có:

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Hình Ngọc N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 8143 ngày 31/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị N đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị N được tính kể ngày tuyên án (ngày 24/6/2020). Anh K được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án
- Đương sự
- UBND xã
- Lưu HS, VP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên